**Bảng tổng hợp các góp ý, đề xuất sửa đổi, bổ sung và giải trình cho Dự thảo 3 Nghị định DPPA**

(*Tài liệu này phục vụ hoạt động thẩm định của Bộ Tư pháp*)

| **STT** | **Đơn vị** | **Điều, khoản** | **Nội dung tại Dự thảo** | | **Nội dung kiến nghị** | **Lý do** | **Tiếp thu, giải trình của BST, TBT** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **GENCO1** | Điều 2 | Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và Khách hàng sử dụng điện lớn, cụ thể như sau:  *1. Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo sở hữu nhà máy điện gió hoặc mặt trời (sau đây viết tắt là Đơn vị phát điện).*  2. Khách hàng sử dụng điện lớn.  3. Các đơn vị điện lực bao gồm:  a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam;  b) Đơn vị điều độ hệ thống điện và thị trường điện;  c) Đơn vị truyền tải điện;  d) Tổng công ty Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;  e) Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp. | | Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và Khách hàng sử dụng điện lớn, cụ thể như sau:  1. Các đơn vị điện lực bao gồm:  a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam;  b) Đơn vị điều độ hệ thống điện và thị trường điện;  c) Đơn vị truyền tải điện;  d) Tổng công ty Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;  *đ) Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo sở hữu nhà máy điện gió hoặc mặt trời (sau đây viết tắt là Đơn vị phát điện).*  e) Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp.  2. Khách hàng sử dụng điện lớn.***.*** | Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo cũng là đơn vị điện lực theo định nghĩa tại khoản 7 Điều 3. | Tiếp thu và sửa lại như sau:  Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và Khách hàng sử dụng điện lớn, cụ thể như sau:  1. Các đơn vị điện lực:  a) Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo (sau đây viết tắt là Đơn vị phát điện);  b) Đơn vị điều độ hệ thống điện và thị trường điện;  c) Đơn vị truyền tải điện;  d) Tổng công ty Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam;  đ) Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp.  2. Khách hàng sử dụng điện lớn tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp (sau đây viết tắt là Khách hàng).  3.Tập đoàn Điện lực Việt Nam. |
| Điều 10, khoản 3 | 3. Trường hợp giá thị trường điện giao ngay cao hơn giá trần của khung giá phát điện của các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo do cơ quan có thẩm quyền ban hành, khoản thanh toán trên thị trường điện giao ngay trong từng chu kỳ giao dịch được tính toán theo sản lượng điện đo đếm của đơn vị phát điện nhân với giá trần của khung giá phát điện của các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo do cơ quan có thẩm quyền ban hành | | Xóa bỏ bội dung này. | - Phù hợp với thiết kế TTĐ cũng như kinh nghiệm quốc tế đã triển khai DPPA, đảm bảo tính công bằng giữa các loại hình phát điện khi tham gia TTĐ và tạo động lực cho các nhà đầu tư loại hình NLTT tham gia cơ chế DPPA.  - Mặt khác, chi phí mua điện của EVN theo giá FMP cũng đã được chuyển tiếp đến các khách hàng sử dụng điện lớn theo giá CFMP nên không ảnh hưởng đến tình hình tài chính của EVN. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo đơn vị phát điện năng lượng tái tạo được hưởng lợi lớn từ thị trường khi giá thị trường tăng cao |
| Điều 19, khoản 3 | 3. Phương pháp xác định hệ số quy đổi theo tổn thất điện năng trên lưới điện phân phối áp dụng cho Tổng công ty Điện lực *j* trong năm N  a) Trường hợp Khách hàng mua điện ở cấp điện áp từ 22kV đến dưới 110kV, được xác định theo công thức sau:  Trong đó:  (%) là tỷ lệ tổn thất điện năng trên lưới điện phân phối tại cấp điện áp 110kV năm N-2 của Tổng công ty Điện lực j;  (%) là tỷ lệ tổn thất điện năng trên lưới điện phân phối từ 22kV đến dưới 110kV năm N-2 của Tổng công ty Điện lực j.  b) Trường hợp Khách hàng mua điện ở cấp điện áp 110kV, được xác định theo công thức sau:  *Trong đó:*  *(%) là tỷ lệ tổn thất điện năng trên lưới điện phân phối tại cấp điện áp 110kV năm N-2 của Tổng công ty Điện lực j;*  *, do Tổng công ty Điện lực j tính toán, trình Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiểm tra, công bố.* | | 3. Phương pháp xác định hệ số quy đổi theo tổn thất điện năng trên lưới điện phân phối áp dụng cho Tổng công ty Điện lực *j* trong năm N  a) Trường hợp Khách hàng mua điện ở cấp điện áp từ 22kV đến dưới 110kV, được xác định theo công thức sau:  Trong đó:  (%) là tỷ lệ tổn thất điện năng trên lưới điện phân phối tại cấp điện áp 110kV năm N-2 của Tổng công ty Điện lực j;  (%) là tỷ lệ tổn thất điện năng trên lưới điện phân phối từ 22kV đến dưới 110kV năm N-2 của Tổng công ty Điện lực j.  *, do Tổng công ty Điện lực j tính toán, trình Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiểm tra, công bố.*  b) Trường hợp Khách hàng mua điện ở cấp điện áp 110kV, được xác định theo công thức sau: | Tinh gọn lại định nghĩa các thành phần tỷ lệ tổn thất. | Tiếp thu, đã hiệu chỉnh tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 19 khoản 6, điểm a | …chi phí dịch vụ mua bán điện trực tiếp cho một đơn vị điện năng của năm N được tính lại như sau:  a) Các chi phí truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực bình quân tính cho một đơn vị điện năng được cập nhật theo chi phí kế hoạch năm N của các khâu nói trên chia cho tổng sản lượng điện thương phẩm trong nước của các Tổng công ty Điện lực kế hoạch năm N… | | …chi phí dịch vụ mua bán điện trực tiếp cho một đơn vị điện năng của năm N được tính lại như sau:  a) Các chi phí **phát điện**, truyền tải điện, phân phối - bán lẻ điện, dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực bình quân tính cho một đơn vị điện năng được cập nhật theo chi phí kế hoạch năm N của các khâu nói trên chia cho tổng sản lượng điện thương phẩm trong nước của các Tổng công ty Điện lực kế hoạch năm N… | Bổ sung tính lại chi phí khâu phát điện do chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành. | Phần chi phí phát điện được thu hồi dã được quy định thông qua chi phí thanh toán bù trừ chênh lệch (CCL.). |
| **2** | **NPC** | Khoản 13 Điều 3 | *13. Khách hàng sử dụng điện lớn* là khách hàng sử dụng điện có công suất và sản lượng tiêu thụ lớn theo quy định của Bộ Công Thương. | | *13. Khách hàng sử dụng điện lớn* là khách hàng sử dụng điện có công suất và sản lượng tiêu thụ lớn theo quy định của Bộ Công Thương **phù hợp với từng thời kỳ phát triển của hệ thống điện.** | Nên quy định thống nhất với định nghĩa của Dự thảo Luật Điện lực sửa đổi | Dự thảo đã hiệu chỉnh như sau để giải thích cụ thể về khách hàng tham gia cơ chế DPPA: “*Khách hàng* là khách hàng sử dụng điện lớn đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này và lựa chọn tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp.” |
| Điểm a khoản 1 Điều 9 | a) Sở hữu nhà máy điện có công suất thiết kế từ 10 MW trở lên trực tiếp tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh; | | *Đề nghị làm rõ lý do chỉ lựa chọn nhà máy điện có công suất thiết kế từ 10MW trở lên mới trực tiếp tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh* |  | Việc lựa chọn nhà máy điện NLTT có công suất từ 10 MW trở lên tham gia cơ chế DPPA do:  - Để đảm bảo hiệu quả công tác đầu tư, vận hành cơ sở hạ tầng CNTT tham gia thị trường điện: hệ thống đo đếm, hệ thống chào giá, kết nôi trang thông tin điện tử thị trường điện,…  - Đảm bảo công tác vận hành, điều hành hệ thống điện của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.  - Sản lượng dự kiến phát tương đương với sản lượng tiêu thụ của khách hàng sử dụng điện lớn. |
| Điểm a, khoản 2 Điều 9 | a) Tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam mua điện đấu nối từ cấp điện áp từ 22 kV trở lên**, ~~có sản lượng tiêu thụ trung bình hàng tháng từ 500.000 kWh,~~** bao gồm: Khách hàng lớn đang mua điện từ Tổng công ty Điện lực và Khách hàng lớn mua điện từ Đơn vị phân phối bán lẻ không phải Tổng công ty Điện lực; | | a) Tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam mua điện đấu nối từ cấp điện áp từ 22 kV trở lên, bao gồm: Khách hàng lớn đang mua điện từ Tổng công ty Điện lực và Khách hàng lớn mua điện từ Đơn vị phân phối bán lẻ không phải Tổng công ty Điện lực; | Vì sản lượng trung bình hàng tháng đã có trong định nghĩa Khách hàng sử dụng điện lớn (hiện tại khách hàng sử dụng điện lớn lưới điện phân phối đang được định nghĩa khoản 17 Điều 3 Thông tư số 39/2015/TT-BCT có sản lượng từ 1.000.000 kWh/tháng trở lên | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để mở rộng số lượng đối tượng khách hàng tham gia cơ chế. |
| Khoản 3 Điều 9 | 3. Khách hàng sử dụng điện lớn trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất được tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp theo quy định tại Nghị định này khi đáp ứng các điều kiện sau:   * + 1. Thống nhất với Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất về việc chấm dứt hợp đồng mua bán điện hiện hữu để tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp;     2. Công tơ đo đếm của khách hàng sử dụng điện lớn mua bán điện trực tiếp với Tổng công ty Điện lực đáp ứng các điều kiện kỹ thuật theo quy định;     3. Thống nhất Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất phí bán lẻ trong hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất (từ công tơ mua điện tổng của đơn vị bán lẻ trong khu công nghiệp đến công tơ bán lẻ điện cho khách hàng). | | *3. Cơ chế mua bán điện trực tiếp trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất:*  *a) Khách hàng sử dụng điện lớn trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất đáp ứng yêu cầu tại điểm a khoản 2 Điều này được quyền tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp theo quy định tại Nghị định này. Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất phối hợp với các Đơn vị có liên quan và khách hàng chấm dứt hợp đồng mua bán điện sau khi thống nhất phí bán lẻ trong hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất (từ công tơ mua điện tổng của đơn vị bán lẻ trong khu công nghiệp đến công tơ bán lẻ điện cho khách hàng).*  *b) Phí bán lẻ trong hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất do hai bên thỏa thuận nhưng không vượt quá giá trần theo quy định của Bộ Công Thương.*  c) Công tơ đo đếm của khách hàng sử dụng điện lớn mua bán điện trực tiếp với Tổng công ty Điện lực đáp ứng các điều kiện kỹ thuật theo quy định; | Để các hàng sử dụng điện lớn trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất tham gia được cơ chế mua bán điện trực tiếp. Nếu quy định như Dự thảo Đơn vị bán lẻ trong trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất sẽ gây khó khăn cho khách hàng trong quá trình thống nhất phí bán lẻ và chấm dứt hợp đồng mua bán điện | Về ý kiến đề xuất “*b) Phí bán lẻ trong hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất do hai bên thỏa thuận nhưng không vượt quá giá trần theo quy định của Bộ Công Thương.”* là không phù hợp do khách hàng tham gia cơ chế này không phải là khách hàng mặc định được áp dụng biểu giá bán lẻ điện do Bộ Công Thương ban hành; Bộ Công Thương cũng không quy định giá trần bán lẻ điện cho từng nhóm khách hàng.  Về các nội dung khác giữ nguyên như dự thảo |
| Đề nghị bổ sung tại Điều 9 Chương III | **Chưa có** | | Đối với Khách hàng lớn ký hợp đồng mua bán điện với đơn vị phát điện NLTT: Khách hàng lớn cam ket mua 100% sản lượng điện phát lên lưới của đơn vị phát điện NLTT (tại 48 chu kỳ) theo chi phí mua điện trên Thị trường điện được quy định tại Điều 19 Mục 2 của Nghị định này;  Đối với phần sản lượng Khách hàng lớn mua ngoài các chu kỳ của đơn vị phát điện NLTT trên, Khách hàng lớn mua với giá cố định theo quy định của Chính phủ, giá cố định này được tính đầy đủ các thành phần chi phí khác như truyền tải, phân phối, tổn thất… để EVN đảm bảo thu hồi đủ chi phí vận hành, bảo dưỡng | Để tránh trường hợp các Khách hàng lớn lợi dụng cơ chế nhằm trục lợi chính sách, như trường hợp các Khách hàng lớn tiêu thụ điện năng hàng tháng rất lớn (khảng 10 tr.kWh) khi tham gia DPPA sẽ ký hợp đồng mua điện với đơn vị NLTT có điện năng phát trung bình tháng khoảng 1 tr.kWh, như vậy hàng tháng Khách hàng này mua trên TTĐ với 9 tr.kWh theo chi phí mua điện trên Thị trường giao ngay mà không phải trả khoảng chênh lệch sai khác (CFD), Khách hàng được hưởng lợi lớn và đồng thời gây thiệt hại lớn cho EVN và các TCTĐL; Hoặc ví dụ: trường hợp nhà máy phát điện NLTT trong miền Trung, Nam ký Hợp đồng mua bán điện với Khách hàng lớn miền Bắc. | Tiếp thu. Hiện dự thảo đã quy định nguyên tắc, và thanh toán tại Điều 16 và Điều 18 để tránh trường hợp khách hàng lớn có cơ hội hưởng lợi chính sách. |
| Điểm b, khoản 5 Điều 19 | b) PPP là chi phí phân phối - bán lẻ điện bình quân tính cho một đơn vị điện năng (đồng/kWh), được xác định bằng tổng chi phí phân phối - bán lẻ điện của các Tổng công ty Điện lực ước thực hiện năm N-2 chia cho tổng sản lượng điện thương phẩm trong nước của các Tổng công ty Điện lực ước thực hiện năm N-2; | | b) PPP là chi phí phân phối - bán lẻ điện bình quân tính cho một đơn vị điện năng (đồng/kWh), được xác định bằng tổng chi phí phân phối - bán lẻ điện của các Tổng công ty Điện lực ước thực hiện năm N-2 chia cho tổng sản lượng điện thương phẩm trong nước của các Tổng công ty Điện lực ước thực hiện năm N-2 **cộng chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ tính toán, đối soát thanh toán… hàng tháng giữa Tổng công ty Điện lực với Khách hàng lớn và mức lợi nhuận hợp lý của PPP**; | Để Tổng công ty Điện lực đảm bảo thu hồi chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng và quản lý, vận hành… hộ Khách hàng lớn khi Khách hàng lớn tham gia Thị trường điện. | Việc tính toán chi phí sử dụng dịch vụ hệ thống điện mà khách hàng phải trả (bao gồm truyền tải, phân phối-bán lẻ điện, dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, điều độ vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực) đã được hiệu chỉnh trong đó có tính đến lợi nhuận định mức của các khâu. |
| Khoản 2 Điều 28 | 2. Trong vòng 30 ngày tính từ ngày Nghị định này được ban hành, đôn đốc, chỉ đạo các Tổng công ty Điện lực soạn thảo Hợp đồng mua bán điện mẫu giữa Tổng công ty Điện lực và Khách hàng, bao gồm các nội dung chính theo quy định tại Điều 15 Nghị định này phù hợp với quy định tại Luật Điện lực. | | 2. Tổng công ty Điện lực và Khách hàng có trách nhiệm thỏa thuận và ký kết hợp đồng mua bán điện theo quy định tại Phụ lục … kèm theo Nghị định này.  *Tại Hợp đồng này đề nghị bổ sung Điều khoản về việc Khách hàng lớn phải lập kế hoạch mua điện cho năm tới, tháng tới gửi Tổng công ty Điện lực, nếu Khách hàng lớn mua điện ngoài khoản ±5% (hoặc ±10%) theo Kế hoạch đăng ký thì phải nộp phạt theo quy định.* | Đề nghị Bộ Công thương ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu giữa Tổng công ty Điện lực và Khách hàng kèm theo Nghị định này, để có cơ sở thống nhất thực hiện trong các Tổng công ty Điện lực. | Theo thống nhất tại cuộc họp nội bộ Cục, không quy định HĐ mua bán điện mẫu giữa TCTĐL và khách hàng mà việc đàm phán thỏa thuận HĐ theo quy định tại Luật Điện lực. |
| Điều 34 | **Chưa có** | | **Điều 34: Trách nhiệm của Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất:**  1. Thỏa thuận với Khách hàng về mức phí bán lẻ trong hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất phù hợp với quy định của Bộ Công Thương trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản đề nghị của Khách hàng.  2. Chấm dứt Hợp đồng mua bán điện với Khách hàng tham gia mua bán điện trực tiếp trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thống nhất với khách hàng về phí bán lẻ trong hàng rào khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất. | Cần quy định trách nhiệm của Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất để tạo điều kiện cho các khách hàng tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp | Tiếp thu, đã bổ sung tại dự thảo Nghị định (Điều 26) |
| Đề nghị bổ sung | **Chưa có** | | **Sản lượng của Khách hàng lớn tham gia DPPA được tách ra khỏi sản lượng mua đầu nguồn của Tổng công ty Điện lực** (khi EVN giao chi phí mua đầu nguồn cho Tổng công ty Điện lực). Sản lượng này chỉ không tách ra khi giao kế hoạch về tính tổn thất lưới điện cho Tổng công ty Điện lực. | Do sản lượng này mua qua lưới điện của Tổng công ty Điện lực, nhưng lại không phải mua theo giá BST và giá Thị trường điện hiện nay EVN đang giao cho các Tổng công ty Điện lực. | Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị định DPPA và sẽ được nghiên cứu quy định phù hợp tại quy định về thông tư khung giá bán buôn điện (nếu có). |
| Đề nghị bổ sung | **Chưa có** | | 01 Khách hàng lớn chỉ ký tối đa với 03 đơn vị phát điện NLTT và ngược lại 01 đơn vị phát điện NLTT chỉ ký tối đa với 03 Khách hàng lớn. | Để việc tính toán tỷ lệ phân bổ sản lượng theo chu kỳ, đối soát thanh toán cho từng Khách hàng lớn hay đơn vị NLTT … thực hiện dễ dàng hơn. | Không tiếp thu. Do việc đàm phán này phụ thuộc vào nhu cầu của khách hàng, nhà nước không kiểm soát. |
| **3** | **A0** | Điều 4. Các hình thức của cơ chế mua bán điện trực tiếp | Chưa có | | Bổ sung nội dung không giới hạn số lượng hợp đồng giữa đơn vị phát điện và khách hàng (1 đơn vị phát điện có thể ký với nhiều khách hàng, 1 khách hàng có thể ký với nhiều ĐVPĐ) | Cơ chế linh hoạt, mở rộng | Không tiếp thu. Do vấn đề này dự thảo Nghị định không cấm. Một khách hàng có thể ký với nhiều đơn vị phát điện hoặc ngược lại. |
|  | Đơn vị phát điện ký hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (hoặc đơn vị được ủy quyền/phân cấp) và bán toàn bộ điện năng sản xuất lên thị trường điện giao ngay của thị trường bán buôn điện cạnh tranh theo quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định này; | | Đơn vị phát điện ký hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (hoặc đơn vị được ủy quyền/phân cấp) và bán toàn bộ điện năng sản xuất lên thị trường điện giao ngay của thị trường bán buôn điện cạnh tranh theo quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định này. Hợp đồng mua bán điện giữa Đơn vị phát điện và Tập đoàn điện lực Việt Nam sẽ được chuyển sang thực hiện theo quy định mới có liên quan phù hợp với từng cấp độ phát triển của thị trường điện. | Đề xuất bổ sung điều khoản chuyển tiếp chủ thể ký hợp đồng với Đơn vị phát điện khi Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thực hiện chức năng thanh toán trên thị trường giao ngay | Giữ nguyên như dự thảo. Lý do: theo quy định lộ trình phát triển thị trường điện Việt Nam được thực hiện qua 03 cấp độ. Tuy nhiên, cấp độ bán buôn điện cạnh tranh và bán lẻ điện cạnh tranh sẽ vận hành song song và đồng thời. Do đó, hợp đồng này không bị ảnh hưởng. |
| Điều 3. Giải thích từ ngữ - Khoản 8  Điều 12. Quy định về giá thị trường điện giao ngay - Khoản 1 | 1. Giá thị trường điện giao ngay là giá thị trường điện toàn phần do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện tính toán, xác định theo Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh do Bộ Công Thương ban hành. | | Đã định nghĩa ở Điều 3. Giải thích từ ngữ - Khoản 8 | Lặp lại | Tiếp thu, hiệu chỉnh tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 16. Chào giá | 1. Đơn vị phát điện dự báo công suất của nhà máy điện trong từng chu kỳ giao dịch của ngày tới tuân thủ quy định về dự báo năng lượng tái tạo tại Quy định hệ thống điện truyền tải và Quy định hệ thống điện phân phối do Bộ Công Thương ban hành.  2. Đơn vị phát điện thực hiện chào giá theo Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh do Bộ Công Thương ban hành: Giá chào bằng 0 đồng/kWh cho toàn bộ công suất chào; Công suất chào bằng công suất dự báo của nhà máy điện. | | 1. Đơn vị phát điện dự báo công suất của nhà máy điện trong từng chu kỳ giao dịch của ngày tới tuân thủ quy định về dự báo năng lượng tái tạo tại Quy định hệ thống điện truyền tải và Quy định hệ thống điện phân phối do Bộ Công Thương ban hành.  2. Đơn vị phát điện thực hiện chào giá theo Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh do Bộ Công Thương ban hành: Giá chào bằng 0 đồng/kWh cho toàn bộ công suất chào; Công suất chào bằng công suất dự báo của nhà máy điện cho tất cả các dải công suất chào. |  | Tiếp thu, hiệu chỉnh tại dự thảo Nghị định |
| Điều 17. Lập lịch huy động, tính toán thanh toán, kiểm tra đối soát bảng kê thanh toán | 1. Căn cứ số liệu công suất dự báo do Đơn vị phát điện cung cấp, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm so sánh, đối chiếu với giá trị công suất dự báo từ các nguồn dự báo độc lập khác, lập lịch huy động các nhà máy điện theo Quy định về hệ thống điện truyền tải, Quy định vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh do Bộ Công Thương ban hành và các quy định pháp luật có liên quan khác. | | 1.Căn cứ bản chào giá ngày tới, chu kỳ tới của đơn vị phát điện, Đơn vị vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện có trách nhiệm so sánh, đối chiếu với giá trị công suất dự báo từ các nguồn dự báo độc lập khác và lập lịch huy động các nhà máy điện theo Quy định về hệ thống điện truyền tải, Quy định hệ thống điện phân phối, Quy định vận hành thị trường điện cạnh tranh do Bộ Công Thương ban hành và các quy định pháp luật khác có liên quan. | - Nguyên tắc tôn trọng, ưu tiêu sử dụng bản chào của đơn vị phát điện.  - Cơ chế huy động của NMĐ DPPA và NMĐ NLTT hiện tại khác nhau, 1 loại trực tiếp tham gia TTĐ, một loại gián tiếp. Mục đích ở đây ý là được ưu tiên như các NMĐ NLTT hiện hành.  - Sử dụng đúng thuật ngữ bản chào giá thay vì công suất dự báo.  - Trong trường hợp quá tải/thừa nguồn sẽ phân bổ công suất huy động cho NMĐ qua việc đặt ràng buộc huy động.  - Về dài hạn, cần xây dựng cơ chế để cho các đơn vị có động lực dự báo chính xác như: bổ sung điều khoản phạt trong PPA mẫu nếu tổng sản lượng tháng/ngày dự báo sai lệch nhiều so với thực phát đối với các chu kỳ không bị phân bổ. | Tiếp thu, sửa đổi dự thảo Nghị định |
| Điều 12. Thanh toán giá điện năng thị trường | Qsmp: Sản lượng điện năng được thanh toán theo giá điện năng thị trường của chu kỳ giao dịch i trong chu kỳ thanh toán (kWh). | | Đề nghị Qsmp bằng Qmq (sản lượng đo đếm) để đơn giản trong thực hiện |  | Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo Nghị định |
| Chương IV. Kiểm tra giám sát và tổ chức thực hiện | Bổ sung | | Đề nghị bổ sung thêm trách nhiệm của các đơn vị phát điện và khách hàng thống nhất và nộp hồ sơ tham gia cơ chế DPPA (tương tự như dự thảo thông tư trước) |  | Tiếp thu, đã sửa đổi hiệu chỉnh tại Điều 21 Dự thảo Nghị định |
| **4** | **Bộ Công An** | - Bộ Công An thống nhất với nội dung của Dự thảo Nghị định sau khi đã tiếp thu ý kiến của Bộ Công An và các Bộ, ngành khác tại cuộc họp Thường trực Chính phủ ngày 14/3/2024.  - Để Dự thảo hoàn thiện hơn, đề nghị Bộ Công Thương xem xét nghiên cứu, làm rõ một số nội dung sau: (1) Nghiên cứu bổ sung, quy định rõ về phương thức, cơ chế giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với sản lượng điện giao dịch giữa bên mua và bên bán để đảm bảo tính chặt chẽ; (2) Tại Điều 9 của Dự thảo Nghị định, đề nghị quy định cụ thể thời gian, lộ trình triển khai áp dụng đối với đơn vị sở hữu nhà máy điện gió, điện mặt trời và các loại hình sản xuất điện khác để việc thực hiện được thuận lợi minh bạch, đồng thời xem xét bổ sung vào Dự thảo Tờ trình Chính phủ về lý do, cơ sở lựa chọn, ưu tiên triển khai áp dụng đối với từng loại hình phát điện; (3) Tại Điều 26 của Dự thảo Nghị định , nghiên cứu bổ sung thêm quy định về trách nhiệm của Bộ Công Thương trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong quá trình triển khai cơ chế mua bán điênh trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn. | | | | | Tiếp thu, đã sửa đổi, hiệu chỉnh theo góp ý. |
| **5** | **SPC** | **Điều 4** | |  | Bổ sung giải thích từ ngữ “kỳ thanh toán của năm N theo Hợp đồng mua bán điện ký kết giữa Tổng công ty Điện lực và khách hàng tham gia DPPA” | Để làm rõ giữa kỳ thanh toán trên Thị trường giao ngay và phù hợp với quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 17 Nghị định 137/2013/NĐ-CP. | Tiếp thu, nghiên cứu sửa đổi tại dự thảo Nghị định. |
| **Mục a)**  **Khoản 2**  **Điều 9** | | 1. Khách hàng sử dụng điện lớn   a) Tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam mua điện đấu nối từ cấp điện áp từ 22 kV trở lên, có **sản lượng tiêu thụ trung bình hàng tháng từ 500.000 kWh**, bao gồm: Khách hàng lớn đang mua điện từ Tổng công ty Điện lực và Khách hàng lớn mua điện từ Đơn vị phân phối bán lẻ không phải Tổng công ty Điện lực; | a) Tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam mua điện đấu nối từ cấp điện áp từ 22 kV trở lên, có **sản lượng tiêu thụ trung bình hàng tháng từ 1.000.000 kWh**, bao gồm: Khách hàng lớn đang mua điện từ Tổng công ty Điện lực và Khách hàng lớn mua điện từ Đơn vị phân phối bán lẻ không phải Tổng công ty Điện lực; | Đề nghị hiệu chỉnh để thống nhất với quy định về Khách hàng lớn sử dụng lưới điện phân phối tại Khoản 17 Điều 3 của Thông tư 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 Quy định Hệ thống điện phân phối  17. *Khách hàng lớn sử dụng lưới điện phân phối* là Khách hàng sử dụng lưới điện phân phối, bao gồm:  a) Đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện có quy mô công suất từ 03 MW trở lên;  b) Khách hàng sử dụng điện có sản lượng bình quân từ **1.000.000 kWh/tháng trở lên**. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để mở rộng số lượng đối tượng khách hàng tham gia cơ chế. |
| **Mục a)**  **Khoản 3**  **Điều 9** | | 1. Khách hàng sử dụng điện lớn trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất được tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp theo quy định tại Nghị định này khi đáp ứng các điều kiện sau:   a) Thống nhất với Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất về việc chấm dứt hợp đồng mua bán điện hiện hữu để tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp. | Đề nghị bỏ Điểm a Khoản 3 này | Vì trường hợp Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất không thống nhất việc chấm dứt hợp đồng thì khách hàng không thể tham gia DPPA và khách hàng trong trường hợp này không đáp ứng việc sử dụng năng lượng xanh. Việc quy định này cũng không công bằng đối với khách hàng mua điện trực tiếp từ ngành điện tham gia DPPA. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Đây là trường hợp mở cho các khách hàng trong các khu công nghiệp, khu chế xuất,…được tham gia cơ chế DPPA nhưng phải đáp ứng điều kiện về thông nhất việc chấm dứt hợp đồng mua bán điện đã ký kết trước đây với với đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp |
|  | |  |  |  |  |
| **Khoản 5**  **Điều 19** | | 5. Chi phí dịch vụ mua bán điện trực tiếp cho một đơn vị điện năng (PDPPA) áp dụng đối với Khách hàng của các Tổng công ty Điện lực năm N | Đề nghị xem xét bổ sung thêm khoản lợi nhuận hoặc khoản chí phí cho việc đầu tư thêm hạ tầng và bổ sung nhân lực để thực hiện thu thập, đối soát số liệu đo đếm theo quy định vận hành Thị trường điện và công tác quản lý hợp đồng, hóa đơn,… | Theo công thức tính Chi phí dịch vụ mua bán điện trực tiếp trong mỗi chu kỳ thanh toán CDPPA thì toàn bộ các chi phí PTT,PPP, PDVPT, PĐĐ đều được lấy từ 2 năm trước (N-2) mà không có phần lợi nhuận của tổng công ty, đồng thời chưa phản ánh đúng và đủ các khoản chi phí mà các Tổng công ty phải đầu tư. Cụ thể, Tổng công ty phải đầu tư thêm hệ thống đo đếm và hệ thông thu thập số liệu đo đếm dự phòng, việc thu thập số liệu đo đếm ra hóa đơn trước đây chỉ thu thập số liệu 3 biểu giá vơi từng kỳ thanh toán nhưng khi khách hàng tham gia DPPA ngàng điện phải đảm bảo nguồn lực thu thập số liệu hàng ngày và từng chu kỳ giao dịch (chu kỳ 30 phút). | Tiếp thu, và hiệu chỉnh tại dự thảo |
| **Mục đ)**  **Khoản 5**  **Điều 19** | | đ) Chi phí chênh lệch thanh toán (giá PK) năm N: là thành phần chi phí bù chênh lệch thanh toán tính trên một đơn vị điện năng (đồng/kWh) mà tất cả các khách hàng tiêu thụ điện trong đó có khách hàng sử dụng điện lớn tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp phải trả để bù đắp chi phí mà EVN đã mua điện từ tất cả các nhà máy điện không tham gia thị trường điện và từ các nhà máy điện trực tiếp tham gia thị trường điện thanh toán theo hợp đồng kỳ hạn trong hệ thống để cung cấp điện cho nền kinh tế. Chi phí bù chênh lệch thanh toán năm N được xác định bằng chênh lệch giữa tổng chi phí của các nhà máy điện không tham gia thị trường điện và **chi phí từ hợp đồng kỳ hạn của các nhà máy điện tham gia thị trường điện trong năm N-2** chia cho tổng sản lượng thương phẩm trong nước của các Tổng công ty Điện lực thực hiện năm N-2. | Đề nghị bổ sung thêm khoản **chi phí tăng thêm** so với khoản chi phí thanh toán phần sản lượng trên thị trường điện. | Do hiện nay các Tổng công ty thanh toán cho các nhà máy trên thị trường điện ngoài phần chi phí trên thị trường điện giao và **chi phí từ hợp đồng kỳ hạn** thì phải thanh toán thêm các chi phí: **Khoản thanh toán thành phần hiệu chỉnh giá thị trường điện giao ngay áp dụng cho đơn vị mua buôn điện của NMĐ,** ***các khoản thuế phí (môi trường, hạ tầng,…) + các khoản phí khác (sản lượng ngoài thị trường, sản lượng thí nghiệm tổ máy),…Đồng thời, các khoản chi phí này là rất lớn, trong năm 2023 chiếm khoản 1,5% tổng chi phí mua điện TTĐ.*** | Không tiếp thu, hợp đồng kỳ hạn để quản lý rủi ro của EVN và đơn vị phát điện đã thỏa thuận. Do vậy, khách hàng tham gia cơ chế DPPA không phải chịu thêm chi phí do hoạt động kinh doanh giữa các đơn vị trong ngành điện. |
|  | |  | Đề nghị bổ sung Điều khoản Quy định về việc xác định sản lượng điện mà Các Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp (đơn vị ngoài EVN) sẽ thanh toán cho Các Tổng công ty Điện lực khi trong KCN có khách hàng lớn tham gia mua bán điện trực tiếp | Do khách hàng lớn tham gia mua bán điện trực tiếp đã thanh toán phần sản lượng điện cho các Tổng Công ty Điện lực thì phần sản lượng điện ở công tơ mua điện tổng của đơn vị bán lẻ điện trong KCN phải được giảm trừ khi thanh toán cho các TCT Điện lực. | Không tiếp thu. |
|  | |  | Đề nghị xem xét tính toán giá bán điện cho phần sản lượng mà khách hàng lớn mua của các Tổng công ty Điện lực(các đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo đặc biệt là nhà máy điện mặt trời thì chỉ phát được trong các giờ cố định hoặc phát sản lượng thấp hơn sản lượng sử dụng của các khách hàng lớn mà 2 bên ký hợp đồng)**.** | Ngoài mua điện từ các đơn vị phát điện từ năng lượng tái tạo tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp thì EVNSPC mua điện trên thị trường điện của các Nhà máy Nhiệt điện và mua điện mặt trời mái nhà với đơn giá FIT rất cao để cung cấp cho toàn bộ sản lượng điện sử dụng của Khách hàng. Chi phí mua điện trên thị trường điện mà EVNSPC phải trả bao gồm các ***khoản phí trên thị trường điện giao ngay + chi phí thanh toán cho các hợp đồng cam kết (Hợp đồng CfD) + các khoản thuế phí (môi trường, hạ tầng,…) + các khoản phí khác***. Vì vậy, khi các đơn vị phát điện mà có ký hợp đồng với khách hàng lớn không phát hoặc phát sản lượng thấp hơn so với sản lượng tiêu thụ của khách hàng lớn nhưng vẫn tính giá theo DPPA sẽ không phản ánh đủ các khoản phí mà EVNSPC phải thanh toán trên thị trường điện, ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của các Tổng công ty. | Tiếp thu, đã hiệu chỉnh tại dự thảo Nghị định (Điều 16 và Điều 18). |
|  | |  | Đề nghị ban hành mẫu Hợp đồng giữa Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực và Khách hàng mua điện lớn tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp. |  | Dự thảo Nghị định đã hiệu chỉnh tại Phụ lục III ban hành các nội dung chính trong hợp đồng giữa Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực và Khách hàng |
|  | |  | Đề nghị ban hành mẫu hợp đồng giữa Tổng công ty Điện lực và Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp (khi KCN có khách hàng lớn tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp) | Do sẽ có thay đổi về phương pháp tính phần sản lượng mua tổng của Đơn vị bán lẻ trong KCN sau khi khách hàng trong KCN tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp. | Không tiếp thu. Vấn đề này sẽ do đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp và Tổng công ty Điện lực đàm phán, thỏa thuận. |
| **6** | **HANOIPC** | Điều 12 | | Tính toán cho từng chu kỳ giao dịch i theo công thức sau: | Đề nghị bổ sung sản lượng tổng công ty bán cho khách hàng (Qsmp) phải bằng sản lượng khách hàng cam kết qua hợp đồng với đơn vị phát điện (Qc). Đề nghị dự thảo bổ sung thêm trường hợp khách hàng mua điện của đơn vị phát điện không đủ đáp ứng phụ tải của khách hàng, thì phần sản lượng thiếu đó khách hàng sẽ mua như nào? | Để tránh trường hợp Tổng công ty phải mua giá cao từ nhà máy điện khác để bán cho khách hàng với giá thị trường thấp hơn, như vậy Tổng công ty sẽ phải chịu khoản lỗ do chênh lệch giá điện này | Không tiếp thu. Nguyên tắc thanh toán và quy định về thanh toán của khách hàng được quy định tại Điều 16 và Điều 18 Nghị định. |
| Điều 19/khoản 5 mục a,b,c,d | | "ước thực hiện năm N-2" | Sửa thành "thực hiện năm N-2" | Tại thời điểm năm N, chi phí thực hiện năm N-2 đã có thể xác định được thay vì phải ước thực hiện | Tiếp thu, xem xét hiệu chỉnh tại dự thảo |
| Điều 28/khoản 2 | | Trong vòng 30 ngày tính từ ngày Nghị định này được ban hành, đôn đốc, chỉ đạo các Tổng công ty Điện lực soạn thảo Hợp đồng mua bán điện mẫu giữa Tổng công ty Điện lực và Khách hàng | Đề nghị ERAV xây dựng Hợp đồng mua bán điện mẫu giữa Tổng công ty Điện lực và Khách hàng gắn kèm với Nghị định này | Tránh mỗi Tổng công ty ra một mẫu riêng. Không nhất quán | Dự thảo Nghị định đã hiệu chỉnh tại Phụ lục III ban hành các nội dung chính trong hợp đồng giữa Tổng công ty Điện lực, Công ty Điện lực và Khách hàng |
| Điều 31/Mục 2 | | Về việc đầu tư lắp đặt hệ thống đo đếm điện năng (gồm hệ thống đo đếm chính và hệ thống đo đếm dự phòng | Đề nghị bổ sung trách nhiệm phối hợp của khách hàng trong việc đầu tư lắp đặt bổ sung hệ thống đo đếm dự phòng. | Hiện tại việc mua bán điện của khách hàng với ngành điện đang thực hiện qua 01 hệ thống đo đếm do ngành điện đã đầu tư từ trước. Ngoài ra nhiều trường hợp hệ thống thiết bị đo đếm (TU, TI) do khách hàng đầu tư | Tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo |
| Điều 31/Mục 3 | | Tính toán tỷ lệ tổn thất trên lưới phân phối điện cấp điện áp 110kV và cấp điện áp từ 6kV đến dưới 110kV của năm N-1, trình Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiểm tra và công bố | Hiện tại theo quy định của EVN, EVNHANOI đang thực hiện tính toán và báo cáo tổn thất điện năng cấp cao áp (bao gồm lưới điện 110kV-220kV). EVNHANOI chưa thực hiện tính toán riêng tổn thất điện năng lưới điện 110 KV và 220 KV | EVNHANOI sẽ phải kiểm tra rà soát và thực hiện tính toán trong thời gian tới | Đơn vị nêu khó khăn, không phải góp ý cho dự thảo Nghị định. |
| **7** | **Sở Công Thương Thái Nguyên** | Điều 2 | | *“Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và Khách hàng sử dụng điện lớn, cụ thể như sau:*  *1. Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo sở hữu nhà máy* ***điện gió*** *hoặc* ***mặt trời*** *(sau đây viết tắt là Đơn vị phát điện).*  *2. Khách hàng sử dụng điện lớn.”* | Đề nghị mở rộng đối tượng áp dụng của Nghị định, cụ thể đối với *“Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo”* đề nghị bổ sung thêm các năng lượng tái tạo khác ngoài năng lượng mặt trời và gió như năng lượng địa nhiệt, sinh học, chất thải rắn, thủy triều ….  Đồng thời, kiến nghị cơ quan lập dự thảo Nghị định nghiên cứu, bổ sung mở rộng đối tượng áp dụng ngoài các khách hàng sử dụng điện lớn . | Dự thảo đã lựa chọn đối tượng áp dụng là khách hàng sử dụng điện lớn được tham gia mua bán điện trực tiếp, tuy nhiên chưa có quy định cụ thể việc tham gia mua bán điện trực tiếp đối với các khách hàng sử dụng điện khác. Trên thực tế, có nhiều hệ thống điện mặt trời mái nhà đã được lắp đặt nhưng chưa thể kết nối với điện lưới quốc gia vì chưa có hướng dẫn của Bộ Công Thương, hoặc lắp đặt nhưng không thể phát lên lưới khi thừa điện, nếu hệ thống điện mặt trời này được bán cho các khách hàng sử dụng điện xung quanh thì sẽ giảm được nhiều áp lực cho ngành điện, giảm lãng phí cho các chủ sở hữu hệ thống điện mặt trời mái nhà. | Tiếp thu, dự thảo đã có điều khoản để mở rộng đối tượng phát điện năng lượng tái tạo |
| khoản 2, Điều 9 | | *“2. Khách hàng sử dụng điện lớn*  *a) Tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam mua điện đấu nối từ cấp điện áp từ 22 kV trở lên, có sản lượng tiêu thụ trung bình hàng tháng* ***từ 500.000 kWh,*** *bao gồm: Khách hàng lớn đang mua điện từ Tổng công ty Điện lực và Khách hàng lớn mua điện từ Đơn vị phân phối bán lẻ không phải Tổng công ty Điện lực;*  *b) Trong giai đoạn đầu, cho phép khách hàng sản xuất tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp;*  *c) Trong giai đoạn tiếp theo, tiếp tục mở rộng cho các khách hàng sử dụng điện khác tham gia cơ chế căn cứ theo nhu cầu của khách hàng, đơn vị phát điện, tình hình phát triển hệ thống điện và thị trường điện cạnh tranh tại Việt Nam.”* |  | Đề nghị sửa đổi bổ sung quy định tại khoản 2, Điều 9 Dự thảo phù hợp với khoản 7, Điều 3 Luật Điện lực năm 2004 “*Khách hàng sử dụng điện lớn là khách hàng sử dụng điện có* ***công suất và sản lượng tiêu thụ lớn theo quy định của Bộ Công Thương*** *phù hợp với từng thời kỳ phát triển của hệ thống điện.”* | Dự thảo đã hiệu chỉnh như sau:  2.Khách hàng  a) Khách hàng sản xuất mua điện từ Tổng công ty Điện lực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc mua điện từ Đơn vị phân phối bán lẻ không phải Tổng công ty Điện lực đấu nối từ cấp điện áp từ 22 kV trở lên, có sản lượng tiêu thụ trung bình hàng tháng từ 500.000 kWh (tính trung bình trong 03 tháng gần nhất).  b) Căn cứ theo nhu cầu của khách hàng, đơn vị phát điện và tình hình phát triển hệ thống điện và thị trường điện cạnh tranh tại Việt Nam, Bộ Công Thương có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản hành chính về việc mở rộng các khách hàng khác quy định tại điểm a khoản này tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp. |
| Điều 32 | | **“Điều 32. *Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương***  *1. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về điện lực thực hiện kiểm tra giám sát về thực hiện hợp đồng mua bán điện theo các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.*  *2. Thanh tra, kiểm tra giám sát và giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện cơ chế mua bán điện trực tiếp theo phạm vi khu vực quản lý.”* |  | Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không có cơ sở để thực hiện trách nhiệm nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung các trách nhiệm nêu trên vào Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Công Thương. | Tiếp thu ý kiến |
| **8** | **EVN (Lần 2)** | **Điểm đ khoản 5 Điều 19.** | |  |  | Để đảm bảo bình đẳng cho mọi đối tượng khách hàng sử dụng điện, Dự thảo cơ chế DPPA đã chấp thuận góp ý của EVN liên quan tới Khoản bù trừ chênh lệch thanh toán mà tất cả các khách hàng tiêu thụ điện trong đó có khách hàng sử dụng điện lớn tham gia DPPA phải được bù trừ đối với EVN liên quan đến chi phí mua điện sai khác với CFMP từ tất cả các nhà máy điện (NMĐ) gián tiếp tham gia thị trường điện (TTĐ) và thành phần chi phí sai khác so với CFMP từ NMĐ trực tiếp tham gia TTĐ trong tháng M của năm N.  Đồng thời để đảm bảo tính minh bạch, giảm sai số và tính khả thi về số liệu, EVN đề nghị giá trị PCL được tính toán trên số liệu thực tế tháng M-2 áp dụng cho tháng M và thực hiện quyết toán cuối năm. Việc tính toán và công bố do EVN thực hiện dưới sự giám sát của của Cục điều tiết Điện lực. (Đính kèm Phụ lục) | Dự thảo đã hiệu chỉnh tại Phụ lục IV |
| Điều 28 | |  |  | Điều 28 của Dự thảo cơ chế DPPA quy định trong vòng 30 ngày kể từ khi Nghị định được ban hành, EVN phải chỉ đạo các Tổng Công ty điện lực (TCTĐL) soạn thảo Hợp đồng mua bán điện (PPA) mẫu giữa TCTĐL và Khách hàng sử dụng điện lớn tham gia cơ chế DPPA (KHL DPPA). Do TCTĐL thuộc EVN vừa là một bên của PPA, vừa là bên soạn thảo PPA mẫu nên sẽ không đảm bảo tính công bằng minh bạch; do vậy EVN đề nghị Bộ Công Thương xem xét ban hành PPA mẫu nêu trên kèm theo Nghị định này. EVN gửi kèm theo Dự thảo PPA mẫu giữa TCTĐL và KHL DPPA tại Phụ lục 2 đính kèm | Nội dung chính của hợp đồng ký kết giữa khách hàng và Tổng công ty Điện lực tại Phụ lục III dự thảo Nghị định. |
| Khoàn 3 Điều 10 | |  |  | Thống nhất với Điều 10/khoàn 3, trong đó quy định giá thị trường điện giao ngay trong từng chu kỳ giao dịch được sử dụng để thanh toán không được vượt quá giá trần của khung giá phát điện của các NMĐ sử dụng năng lượng tái tạo do cơ quan có thẩm quyền ban hành. | Thống nhất |
| Mục 1 | |  |  | Mục 1 của Dự thảo DPPA quy định thanh toán trên TTĐ giao ngay giữa ĐVPĐ và EVN; tuy nhiên chỉ quy định thanh toán giá điện năng thị trường SMP và giá công suất thị trường CAN; do vậy, đề nghị bổ sung các khoản thanh toán khác trên TTĐ giao ngay mà EVN đã phải thanh toán cho các ĐVPĐ theo quy định TTĐ liên quan tới các thành phần sản lượng như Qcon, Qdu, … | Không tiếp thu, do các nhà máy điện NLTT không có khả năng điều độ, mà phụ thuộc hầu hết vào thời tiết, gió, bức xạ mặt trời nên không phát sinh các khoản thanh toán theo Qdu,… |
| Một số góp ý khác | |  |  | 1. Đề nghị xem xét làm rõ về cơ sở pháp lý của việc giới hạn phạm vi chỉ áp dụng đối với các dự án nhà máy điện mặt trời (ĐMT), nhà máy điện gió (ĐG) có công suất từ 10 MW trở lên.  2. Một trong các mục tiêu của cơ chế DPPA là chứng chỉ xanh cho nhà sản xuất phục vụ cho việc đáp ứng điều kiện về xuất khẩu hàng hóa; tuy nhiên, Dự thảo cơ chế DPPA chưa có quy định về nội dung này, đề nghị xem xét bổ sung.  3. Đề nghị bổ sung quy định cho các trường hợp sau đây:   * ĐVPĐ, KHL DPPA chấm dứt hoạt động do phá sản, giải thể, tạm ngừng kinh doanh,…thì các bên sẽ giải quyết thế nào?. * ĐVPĐ, KHL DPPA tham gia cơ chế DPPA này thì có phải chấm dứt PPA hiện hữu đã ký kết với EVN, các TCTĐL/CTĐL hay không? các PPA hiện hữu chưa có quy định về việc chấm dứt PPA để tham gia cơ chế DPPA này; do vậy, cần bổ sung quy định về chấm dứt PPA hiện hữu nếu cho phép chấm dứt.   4. Đề nghị xem xét quy mô Khách hàng lớn sử dụng điện của Nghị định là 1 triệu kWh/tháng trở lên sao cho phù hợp với Điều 3 Thông tư 39/2015/TT-BCT. Trường hợp vẫn giữ nguyên quy mô như Dự thảo (500.000 kWh) thì đề nghị bổ sung các khách hàng lớn sử dụng điện từ 500.000 kWh trở lên khi tham gia cơ chế DPPA phải nộp bảo lãnh thanh toán để giảm rủi ro tài chính cho các TCTĐL.  5. Về đối tượng áp dụng:   * Đối với ĐVPĐ: đề nghị trong giai đoạn đầu chỉ xem xét các đối tượng NLTT là ĐMT và ĐG mới trong quy hoạch điện 8 và kế hoạch thực hiện quy hoạch điện 8; chưa mở rộng các đối tượng ĐMT, ĐG hiện hữu, chuyển tiếp hoặc đang có các vướng mắc theo kết luận của các cơ quan có thẩm quyền. Đề nghị không quy định cho giai đoạn tiếp theo (bỏ Điều 9/ khoản 1 điểm c); khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có các đánh giá cẩn trọng về việc mở rộng đối tượng thì mới thực hiện xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định. * Đối với KHL DPPA: Đề nghị nêu rõ tại Điều 2 và Điều 9 là chỉ áp dụng cho KHL sản xuất có sản lượng tiêu thụ lớn (… kWh) trong khoảng thời gian (… tháng trước ngày nộp đơn đăng ký DPPA). Đề nghị không quy định cho giai đoạn tiếp theo (bỏ Điều 9/khoản 2 điểm c); khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có các đánh giá cẩn trọng về việc mở rộng đối tượng thì mới thực hiện xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định.   6. Cơ chế giá đang tính thu hồi qua chi phí, chưa có phần lợi nhuận của các Tổng công ty (lợi nhuận =0), trong khi đó để triển khai được các TCTĐL sẽ phải bố trí thêm nhân sự, máy móc, hạ tầng công nghệ thông tin về đo đếm, tính toán bảng kê, phát hành hóa đơn, …Do vậy, việc triển khai ngay là rất khó cho các TCTĐL và cần bổ sung các chi phí liên quan nêu trên bao gồm cả mức lợi nhuận hợp lý.  7. Cần làm rõ các NMĐ NLTT tham gia cơ chế DPPA này có được xem là NMĐ trực tiếp tham gia TTĐ theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BCT hay không?  8. Về rủi ro trục lợi chính sách: Việc tính đúng, tính đủ PCL như đề xuất của EVN trên đây, cơ chế áp dụng giá trần trong thanh toán trên thị trường điện như nội dung của Dự thảo Nghị định kết hợp đồng thời với việc xóa bỏ bù chéo giữa các nhóm khách hàng theo biểu giá Chính phủ tới đây đảm bảo giảm thiểu rủi ro trục lợi chính sách của Nghị định này.  9. Tại Thông báo số 112/TB-VPCP ngày 22/03/2024 của Văn phòng Chính phủ yêu cầu quy định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước với chính sách này, nhất là công tác kiểm tra, giám sát để đảm bảo phát triển lành mạnh, an toàn, hiệu quả, tuyết đối không để sơ hở, xảy ra cơ chế xin - cho. Do đó, trong Dự thảo này cũng cần quy định cụ thể hơn trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ ngành với việc thực hiện DPPA.  10. Đề nghị bổ sung các thành phần khác theo Quyết định số 05/2024/QĐ-TTg: chi phí điều hành - quản lý ngành và lợi nhuận định mức; các chi phí khác chưa được tính vào giá điện, là các khoản chi phí được phép tính nhưng chưa tính vào giá điện, bao gồm cả chênh lệch tỷ giá đánh giá lại chưa được phân bổ, được tính toán phân bổ vào giá bán điện bình quân.  11. Đối với Chương IV về Kiểm tra giám sát và tổ chức thực hiện: Đề nghị bổ sung thêm trách nhiệm của các ĐVPĐ và khách hàng trong quá trình tổ chức thực hiện.  12. Cần bổ sung quy định tách sản lượng của KHL DPPA ra khỏi sản lượng mua đầu nguồn của TCTĐL.  13. Đề nghị tham khảo thêm ý kiến của Bộ Tài chính về việc đơn vị phát hành hóa đơn và thuế VAT đối với hợp đồng sai khác giữa ĐVPĐ và KHL DPPA do giá trị hợp đồng này có lúc âm, lúc dương.  14. Đối với Điều 17 về Lập lịch huy động, tính toán thanh toán, kiểm tra đối soát bảng kê thanh toán: đề nghị xem xét bổ sung nội dung cho phép ĐVPĐ được áp dụng cơ chế khuyến khích, ưu tiêu huy động như các NMĐ sử dụng năng lượng tái tạo không phải thủy điện theo các các quy định pháp luật có liên quan. | 1. Việc lựa chọn nhà máy điện NLTT có công suất từ 10 MW trở lên tham gia cơ chế DPPA do:  - Để đảm bảo hiệu quả công tác đầu tư, vận hành cơ sở hạ tầng CNTT tham gia thị trường điện: hệ thống đo đếm, hệ thống chào giá, kết nôi trang thông tin điện tử thị trường điện,…  - Đảm bảo công tác vận hành, điều hành hệ thống điện của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.  - Sản lượng dự kiến phát tương đương với sản lượng tiêu thụ của khách hàng sử dụng điện lớn.  2. Nội dung về chứng chỉ xanh không thuộc phạm vi quy định của Nghị định này.  3. Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo Nghị định.  4. Đề nghị giữ nguyên như dự thảo để đảm bảo tăng số lượng khách hàng có nhu cầu tham gia cơ chế DPPA.  5. Tiếp thu, đã hiệu chỉnh dự thảo Nghị định.  6. Tiếp thu, đã hiệu chỉnh tại dự thảo Nghị định.  7. Các nhà máy điện năng lượng tái tạo trực tiếp tham gia thị trường điện trong trường hợp mua bán điện trực tiếp qua lưới điện quốc gia.  8. Tiếp thu, đã hiệu chỉnh tại dự thảo Nghị định.  9. Tiếp thu, đã hiệu chỉnh tại dự thảo Nghị định.  10. Tiếp thu, đã hiệu chỉnh tại dự thảo Nghị định.  11. Tiếp thu, đã hiệu chỉnh tại dự thảo Nghị định.  12. Giữ nguyên như dự thảo, Sản lượng thanh toán của khách hàng không ảnh hưởng đến sản lượng mua điện của TCTĐL do đã quy đổi sản lượng của nhà máy diện năng lượng tái tạo về điểm giao nhận của khách hàng theo tỉ lệ tổn thất.  13. Tiếp thu ý kiến trong quá trình sửa đổi dự thảo.  14. Giữ nguyên như dự thảo do đơn vị phát điện chào giá 0 đồng, đồng nghĩa với việc đã được ưu tiên huy động khi tham gia thị trường điện. |
| **9** | **NPT** | Chương I, Điều 3 | | Chưa có | Bổ sung khái niệm về Đơn vị truyền tải điện | Đơn vị truyền tải điện là đối tượng áp dụng được đề cập tại Điều 2 | Giữ nguyên như dự thảo, do đơn vị truyền tải không phải là đối tượng trực tiếp bị điều chỉnh của cơ chế |
| Chương III, mục 2, điều 19, khoản 5a | | PTT là chi phí truyền tải điện bình quân tính cho một đơn vị điện năng (đồng/kWh), được xác định bằng tổng chi phí truyền tải điện ước thực hiện năm N-2 chia cho tổng sản lượng điện thương phẩm trong nước của các Tổng công ty Điện lực ước thực hiện năm N-2; | PTT là giá truyền tải điện do cấp có thẩm quyền phê duyệt cho năm N. Trường hợp giá truyền tải điện năm N chưa phê duyệt thì lấy theo năm N-1. | Giá truyền tải điện hàng năm do Bộ Công thương phê duyệt | Dự thảo Nghị định quy định tính toán chi phí trên cơ sở chi phí và lợi nhuận định mức của các khâu, phù hợp với phương pháp tính giá bán điện bình quân hiện hành. |
| Chương III, mục 2, điều 19, khoản 5đ | | Chi phí chênh lệch thanh toán (giá PK) năm N: là thành phần chi phí bù chênh lệch thanh toán tính trên một đơn vị điện năng (đồng/kWh) mà tất cả các khách hàng tiêu thụ điện trong đó có khách hàng sử dụng điện lớn tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp phải trả để bù đắp chi phí mà EVN đã mua điện từ tất cả các nhà máy điện không tham gia thị trường điện và từ các nhà máy điện trực tiếp tham gia thị trường điện thanh toán theo hợp đồng kỳ hạn trong hệ thống để cung cấp điện cho nền kinh tế. Chi phí bù chênh lệch thanh toán năm N được xác định bằng chênh lệch giữa tổng chi phí của các nhà máy điện không tham gia thị trường điện và chi phí từ hợp đồng kỳ hạn của các nhà máy điện tham gia thị trường điện trong năm N-2 chia cho tổng sản lượng thương phẩm trong nước của các Tổng công ty Điện lực thực hiện năm N-2. | Bổ sung điều chỉnh giá truyền tải trong trường hợp tính theo năm N-1 | Nội dung dự thảo chưa đề cập đến. | Đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì tính theo phương án giá bán điện bình quân hiện hành. |
| Chương III, mục 3 | | Chưa có | Đơn vị phát điện và Khách hàng sử dụng điện lớn trực tiếp đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện qua lưới điện quốc gia thì phải thanh toán chi phí truyền tải | Bên mua và bên bán thực hiện hình thức mua bán điện trực tiếp qua lưới điện truyền tải | Dự thảo đã quy định Khách hàng phải trả chi phí sử dụng dịch vụ truyền tải điện tại Khoản 4 Điều 18 |
| **10** | **Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương** |  | |  |  | Nghị quyết về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2023 của Chính phủ số 203/NQ-CP ngày 01/12/2023, Bộ Công Thương được giao trình Chính phủ dự án Luật Điện lực (sửa đổi) trước ngày 01/7/2024. Do vậy, Cục TMĐT và KTS đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc về nội dung và thời điểm ban hành của Nghị định phù hợp với dự án Luật Điện lực (sửa đổi). | Tiếp thu trong quá trình xây dựng Nghị định. |
| **12** | **Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương** | Khoản 3 Điều 5 | |  | Bãi bỏ | Do nội dung này đã được quy định tại Điều 8 dự thảo. | Đã hiệu chỉnh dự thảo, theo đó bỏ Điều 8 |
| Điểm b,c khoản 1, khoản 2 Điều 9 | |  | Đề nghị có lộ trình cụ thể cho các giai đoạn | Trường hợp chưa có lộ trình, các căn cứ mà dự thảo quy định là cơ sở cho việc mở rộng loại hình công nghệ, mở rộng đối tượng khách hàng. Tuy nhiên cần xác định cơ quan có thẩm quyền cho phép mở rộng cũng như cơ quan có thẩm quyền đánh giá yếu tố đáp ứng các căn cứ để mở rộng như dự thảo quy định. | Đã hiệu chỉnh dự thảo Nghị định không phân chia theo giai đoạn |
| Khoản 12 Điều 3 | |  |  | dự thảo quy định khách hàng sử dụng điện lớn có công suất và sản lượng tiêu thụ lớn theo quy định của Bộ Công Thương. Tuy nhiên, điểm a khoản 2 Điều 9 dự thảo quy định khách hàng sử dụng điện lớn là khách hàng có sản lượng tiêu thụ trung bình từ 500.000kWh. Do vậy, đề nghị Quý Cục thống nhất thẩm quyền xác định khách hàng sử dụng điện lớn tại các quy định vừa nêu. | Tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo Nghị định |
| Điều 23 | | Đối với quy định *“…gửi thông tin về Bộ Công Thương*” | đề nghị làm rõ thông tin này là Hợp đồng mua bán điện hay bất kể thông tin cụ thể nào do các bên của hợp đồng lựa chọn. |  | Tiếp thu, hiệu chỉnh tại dự thảo Nghị định |
|  | |  | Điều 24 dự thảo quy định bao gồm quy trình tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp và trách nhiệm của các bên. Khoản 5 Điều 24 đã thể hiện trách nhiệm của Đơn vị vận hành hệ thống điện. Khoản 9 Điều 24 quy định Đơn vị vận hành hệ thống điện kiểm tra hồ sơ tuy nhiên khoản 9 này đang được quy định tách rời với quy trình tại khoản 1,2,3,4,5 của Điều 24. Do vậy, đề nghị làm rõ hơn hồ sơ tại khoản 9 Điều 24 là hồ sơ tại khoản 1 hay hồ sơ tại khoản 8 Điều này. |  | Tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo Nghị định |
|  | |  | Dự thảo Nghị định được xây dựng để hình thành, thừa nhận loại hình giao dịch mua bán trực tiếp. Theo đó, các quy định tại dự thảo Nghị định cũng đã làm rõ các yếu tố, điều kiện để các bên tham gia vào loại hình này. Do vậy, đối với nội dung tại khoản 6 Điều 26 dự thảo Nghị định, Vụ Pháp chế cho rằng có thể cân nhắc bổ sung quy định về việc chấm dứt, dừng cơ chế mua bán điện trực tiếp để đầy đủ cơ sở pháp lý cũng như kịp thời xử lý trong trường hợp cần thiết. |  | Tiếp thu. Tại dự thảo Nghị định đã bổ sung Điều 29 quy định về tạm dừng, chấm dứt cơ chế tham gia mua bán điện trực tiếp. |
|  | |  | Đối với các quy định liên quan đến giá, thanh toán tại các mục 1,2,3 Chương III của Nghị định: Vụ Pháp chế không có ý kiến góp ý do các quy định này mang tính kỹ thuật. Đề nghị Quý Cục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, tổ chức liên quan, có chuyên môn trong quá trình xây dựng văn bản để quy định đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện. |  | Tiếp thu ý kiến, Cục ĐTĐL đã và đang phối hợp với các đơn vị của ngành điện để quy định về giá, thanh toán đảm bản tính khả thi khi triển khai thực hiện |
| **13** | **Sở Công Thương Bắc Ninh, UBND tỉnh Bắc Ninh** | điểm đ, khoản 3 Điều 2 | | “đ) Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp.” | “đ) Đơn vị bán lẻ điện trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp.” |  | Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo Nghị định |
| **14** | **Sở Công Thương Lâm Đồng, UBND tỉnh Lâm Đồng** | Điều 3 | | Điều 3. Giải thích từ ngữ | Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung giải thích: Nguồn năng lượng tái tạo là gì |  | Tiếp thu, đã bổ sung tại khoản 16 |
| **15** | **Sở Công Thương Long An, UBND tỉnh Long An** | Điều 9 | | Nguyên tắc của hình thực mua bán điện trực tiếp qua lưới điện quốc gia có nội dung quy định đối với đơn vị phát điện “b. Trong giai đoạn đầu, …” và “c. Trong giai đoạn tiếp theo…” | Đề nghị Cục Điều tiết Điện lực xem xét có quy định thời gian cụ thể đối với các gian đoạn trên |  | Dự thảo đã hiệu chỉnh theo hướng không phân chia theo giai đoạn |
| Điều 23 | | Đơn vị phát điện và Khách hàng sử dụng điện trên cơ sở tuân thủ quy định tại Chương II Nghị định này, chủ động trao đổi, thống nhất và ký kết hợp đồng mua bán điện, gửi thông tin về Bộ Công Thương. | Tại Điều 32 quy định trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng mua bán điện; thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng và thực hiện cơ chế mua bán điện trực tiếp trong phạm vi khu vực quản lý. Để thực hiện các nhiệm vụ trên.  Đề nghị Cục Điều tiết Điện lực xem xét bổ sung cụm từ “đồng gửi UBND tỉnh và Sở Công Thương để biết” sau cụm từ “báo cáo Bộ Công Thương” tại Điều 23, và Khoản 1, 2 Điều 25 của dự thảo Nghị định. |  | Tiếp thu, sửa đổi tại dự thảo Nghị định. |
| Điều 25 | | 1. Trước ngày 20 hàng tháng, Đơn vị vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, Tổng công ty Điện lực có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương về kết quả thực hiện mua bán điện trực tiếp, các vướng mắc và đề xuất giải pháp.  2. Trước ngày 30 tháng 01 hàng năm, Đơn vị vận hành hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện lực, Tổng công ty Điện lực có trách nhiệm báo cáo Bộ Công Thương về kết quả thực hiện mua bán điện trực tiếp của năm trước liền kề, các vướng mắc và đề xuất giải pháp. |  |
| **16** | **Sở Công Thương Ninh Thuận, UBND tỉnh Ninh Thuận** | Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ | | Phần IV, B. Chính sách: Mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện và khách hàng sử dụng điện lớn thông qua lưới điện quốc gia, 3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn, (i) Đối tượng áp dụng:…  *“+ Đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện gió hoặc mặt trời đấu nối vào hệ thống điện quốc gia và có công suất đặt từ 10 MW trở lên (để đáp ứng các yêu cầu tham gia thị trường điện và tuân thủ theo quy định vận hành hệ thống điện phân phối)*.*”* | Qua rà soát Quyết định 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 và Quyết định 262/QĐ-TTG ngày 01/4/2024 xét thấy danh mục các dự án điện có quy mô công suất nhỏ hơn 10MW như vậy các dự án này không đủ điều kiện để áp dụng cơ chế bán điện trực tiếp khi Nghị định được ban hành có hiệu lực. Do đó Sở Công Thương kiến nghị Uỷ ban nhân dân tỉnh Đề nghị Bộ Công Thương hiệu chỉnh lại nội dung như sau:  *“+ Đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện gió hoặc mặt trời đấu nối vào hệ thống điện quốc gia và có công suất đặt được cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung quy hoạch (để đáp ứng các yêu cầu tham gia thị trường điện và tuân thủ theo quy định vận hành hệ thống điện phân phối)*” |  | Việc lựa chọn nhà máy điện NLTT có công suất từ 10 MW trở lên tham gia cơ chế DPPA do:  - Để đảm bảo hiệu quả công tác đầu tư, vận hành cơ sở hạ tầng CNTT tham gia thị trường điện: hệ thống đo đếm, hệ thống chào giá, kết nôi trang thông tin điện tử thị trường điện,…  - Đảm bảo công tác vận hành, điều hành hệ thống điện của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.  - Sản lượng dự kiến phát tương đương với sản lượng tiêu thụ của khách hàng sử dụng điện lớn. |
|  | |  | Đối với các nhà máy điện năng lượng tái tạo có công suất đặt đến 01 MW: Theo Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực, các nhà máy điện này được miễn trừ cấp giấy phép hoạt động điện lực. Trong khi đó, theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 45/2018/TT-BCT, khi tham gia thị trường điện thì các Đơn vị phát điện phải có giấy phép hoạt động trong lĩnh vực điện lực. Ngoài ra, đối với các dự án có công suất dưới 1MW thường là các dự án Điện mặt trời mái nhà, ưu tiên dùng tiêu thụ tại chỗ.  Như vậy khi Nghị định được ban hành có gây mâu thuẫn đối với các công trình điện mặt trời mái nhà đã đi vào vận hành thương mại trước đây (Hồi tố). |  | Đối với các nhà máy điện năng lượng tái tạo có công suất đặt đến 01 MW không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định. |
| **17** | **Sở Công Thương Quảng Nam, UBND tỉnh Quảng Nam** | Điều 6, Điều 7 | | Tại Điều 6 và Điều 7 của dự thảo Nghị định (quy định về đơn vị phát điện và yêu cầu đối với khách hàng sử dụng điện lớn). | Bổ sung quy định về cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải, phân phối điện đồng thời với lĩnh vực phát điện đối với đơn vị phát điện khi có đầu tư lưới điện truyền tải, phân phối bán điện đến khách hàng sử dụng điện lớn. Trong trường hợp lưới điện truyền tải, phân phối do khách hàng sử dụng điện lớn đầu tư phải được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải, phân phối điện. |  | Giữ nguyên dự thảo, do hai đơn vị đầu tư đường dây và vận hành để phục vụ mua bán giữa hai bên, không cung cấp dịch vụ cho bên thứ 3. |
| Điều 32 | | Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương  1. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về điện lực thực hiện kiểm tra giám sát về thực hiện hợp đồng mua bán điện theo các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.  2. Thanh tra, kiểm tra giám sát và giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện cơ chế mua bán điện trực tiếp theo phạm vi khu vực quản lý. | Tuy nhiên, chưa có quy định về chế độ báo cáo của các ngành, đơn vị liên quan gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quá trình triển khai để theo dõi, quản lý. Do vậy, cần xem xét bổ sung quy định về chế độ báo cáo của các ngành, đơn vị liên quan gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (thông qua Sở Công Thương) nhằm triển khai thực hiện các trách nhiệm của địa phương theo quy định tại Điều 32 của dự thảo Nghị định. |  | Tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo Nghị định |
| **18** | **Sở Công Thương Quảng Trị, UBND tỉnh Quảng Trị** | Khoản 4 Điều 5 | | 4. Giá bán điện do hai bên thỏa thuận trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. | Cần xem xét, xây dựng khung giá bán điện cho từng loại hình năng lượng tái tạo và đưa ra các tiêu chí trong quá trình đàm phán hợp đồng mua bán điện nhằm tạo sự thống nhất trong quá trình thực thi và quản lý của các Bộ, ngành, địa phương. |  | Nội dung này không thuộc phạm vi của Nghị định này. |
| Điều 6, Điều 7 | | Tại Điều 6 và Điều 7 của dự thảo Nghị định (quy định về đơn vị phát điện và yêu cầu đối với khách hàng sử dụng điện lớn). | Bổ sung quy định về cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải, phân phối điện đồng thời với lĩnh vực phát điện đối với đơn vị phát điện khi có đầu tư lưới điện truyền tải, phân phối bán điện đến khách hàng sử dụng điện lớn. Trong trường hợp lưới điện truyền tải, phân phối do khách hàng sử dụng điện lớn đầu tư, khách hàng này phải được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải, phân phối điện. |  | Không tiếp thu. Vì việc xây dựng đường dây này do nhu cầu giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo với khách hàng, không cho bên thứ 3 thuê lại nên không cần giấy phép hoạt động trong lĩnh vực truyền tải, phân phối. |
| Điều 32 | | Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương  1. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về điện lực thực hiện kiểm tra giám sát về thực hiện hợp đồng mua bán điện theo các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.  2. Thanh tra, kiểm tra giám sát và giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện cơ chế mua bán điện trực tiếp theo phạm vi khu vực quản lý. | Tuy nhiên, chưa có quy định về chế độ báo cáo của các ngành, đơn vị liên quan gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quá trình triển khai để theo dõi, quản lý. Do vậy, cần xem xét bổ sung quy định về chế độ báo cáo của các ngành, đơn vị liên quan gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (thông qua Sở Công Thương) nhằm thực hiện đúng quy định tại Điều 32 của dự thảo Nghị định. |  | Tiếp thu góp ý |
| **19** | **Sở Công Thương Yên Bái, UBND tỉnh Yên Bái** |  | | Về tên gọi của Nghị định | Đề nghị xem xét lược bỏ từ “cơ chế” cụ thể: Nghị định Quy định về mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo với khách hàng sử dụng điện lớn. |  | Giữ nguyên tên cơ chế để đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 103/2023/QH15 và Nghị quyết số 937/NQ-UBTVQH |
|  | |  | Nghị định chỉ điều chỉnh việc mua bán điện trực tiếp giữa các đơn vị phát điện bằng điện gió, điện mặt trời với các khách hàng sử dụng điện lớn. Trong nội dung nghị định tại điều 9 chương III mục b, c cũng đề cập đến: trong giai đoạn đầu..., trong giai đoạn tiếp theo... đề nghị làm rõ giai đoạn đầu đến khi nào thì thực hiện giai đoạn tiếp theo. Làm rõ hơn khi nào thì thực hiện cho các dạng phát điện năng lượng tái tạo khác như: thủy điện, năng lượng thủy triều, năng lượng địa nhiệt, năng lượng sinh học, năng lượng sinh khối… |  | Tiếp thu, đã hiệu chỉnh dự thảo Nghị định |
| điểm a, Khoản 1 Điều 9 | | *“a) Sở hữu nhà máy điện có công suất thiết kế từ 10 MW trở lên trực tiếp tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh”* | Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 45/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định “Nhà máy điện có giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện, có công suất đặt lớn hơn 30 MW đấu nối vào hệ thống điện quốc gia có trách nhiệm hoàn thành thủ tục đăng ký và trực tiếp tham gia thị trường điện”. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét việc áp dụng đối với nhà máy điện có công suất thiết kế từ 10 MW trở lên trực tiếp tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh để có sự đồng nhất.  Đề nghị làm rõ hơn: Với các khách hàng sử dụng điện thấp hơn mức quy định sử dụng điện lớn sẽ được mua điện trực tiếp như thế nào, nhất là một số nơi tập trung nhiều các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhỏ, các cơ sở nằm ngoài khu, cụm công nghiệp… |  | Tiếp thu, hiện dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 45 đã bổ sung nội dung đơn vị phát điện NLTT có công suất 10 MW trở lên được lựa chọn tham gia thị trường điện.  Với các khách hàng sử dụng điện thấp hơn mức quy định sử dụng điện lớn sẽ không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này. |
| **20** | **Hội đồng kinh doanh Hoa Kỳ - ASEAN** |  | |  | Việc sớm ban hành cơ chế DPPA là vô cùng cấp thiết đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó có các công ty Hoa Kỳ. Vì vậy, chúng tôi tha thiết khuyến nghị quý Bộ nhanh chóng hoàn thành các thủ tục liên quan để Nghị định này được ban hành sớm nhất có thể.  Về mặt nguyên tắc, DPPA cần tạo độ mở và linh hoạt cho các bên tham gia, tránh đưa vào các yêu cầu kĩ thuật quá chi tiết gây ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực tế. Cụ thể, bên mua nên được trao quyền tự thương thảo đối với hầu hết các điều khoản trong hợp đồng mua bán. Bất kỳ mẫu hợp đồng nào nếu có đều không mang tính bắt buộc, bao gồm cấu trúc giá cả. Xác định chi phí lưới điện được hạch toán rõ ràng trong một khoảng thời gian xác định. |  | Tiếp thu, dự thảo đang quy định các bên tự do đàm phán, ký kết hợp đồng. Chính phủ chỉ ban hành hướng dẫn các nội dung chính của các hợp đồng trong cơ chế DPPA. Các nội dung này không phải là mẫu cố định để áp dụng. Các bên hoàn toàn tự do thương thảo, đàm phán để quy định trong hợp đồng. |
| **21** | **Hiệp hội Thương mại Hoa Kỳ (Amcham)** | **Điều 5. Nguyên tắc mua bán điện trực tiếp qua đường dây riêng** | | Khoản 1. Đối với hoạt động mua bán điện thông qua đường dây riêng kết nối trực tiếp giữa Đơn vị phát điện và khách hàng sử dụng điện lớn, các bên phải tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về: quy hoạch, đầu tư (bao gồm sự phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực); quy định về cấp giấy phép hoạt động điện lực (thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư công trình nguồn điện); quy định về an toàn điện, an toàn phòng chống cháy, nổ trong xây dựng, vận hành (phát điện, truyền tải điện, phân phối điện) và an toàn trong sử dụng điện; quy định về bán điện và hợp đồng và các quy định pháp luật khác có liên quan. | Hiện chưa rõ quy hoạch phát triển điện cụ thể là quy hoạch nào? Là Quy hoạch Điện VIII hay khác?  Căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định 500/QD-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/5/2023 (“PDP8”), cho đến sau năm 2030 mới có thể phát triển các nhà máy điện mặt trời mới có quy mô lớn (phân biệt với các dự án điện mặt trời trên mái nhà được phép phát triển theo Quyết định 262/QĐ-TTg về kế hoạch thực hiện PDP8 ngày 01/4/2024 với hạn mức cho từng tỉnh).  Điều đó có thể có nghĩa là các bên phát điện năng lượng tái tạo theo DPPA cần xây dựng các dự án nhà máy điện mặt trời với quy mô mới đã được phê duyệt theo các quy hoạch phát triển điện lực quốc gia trước đây.  Điều này có thể dẫn đến bế tắc đối với các bên phát điện năng lượng tái tạo trong việc xây dựng các nhà máy điện mặt trời mới với quy mô lớn chưa nằm trong các quy hoạch phát triển điện lực (phương án khác là sáp nhập và mua lại các dự án đã được phê duyệt trong các quy hoạch phát triển điện lực quốc gia trước đây, tuy nhiên, lực chọn này phức tạp với nhiều yêu cầu thẩm định).  Nếu đúng như vậy, điều này có thể tạo giới hạn lớn đối với phạm vi tham gia DPPA của cả bên Bán và bên Mua. | Dự thảo có thể nêu rõ phạm vi các quy hoạch phát triển điện thuộc đối tượng tham gia DPPA. Nếu như Quy hoạch Điện 8 được coi là quy hoạch duy nhất để tham chiếu thì cần phải điều chỉnh Quy hoạch Điện 8 để cho phép các nhà máy năng lượng mặt trời mới tham gia DPPA và bổ sung quy trình, thủ tục hiệu quả, hợp lý/cân đối để phê duyệt các dự án đó. | Dự thảo đã hiệu chỉnh như sau:  1. Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định. Tại Điều 7 đã đưa ra chi tiết yêu cầu đối với đơn vị phát điện năng lượng tái tạo cần phải đáp ứng. |
| Khoản 1, Điều 6 của Dự Thảo Nghị Định | | Công trình nguồn điện phải phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt | Căn cứ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định 500/QD-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15/5/2023 (“PDP8”), cho đến sau năm 2030 mới có thể phát triển các nhà máy điện mặt trời mới có quy mô lớn (phân biệt với các dự án điện mặt trời trên mái nhà được phép phát triển theo Quyết định 262/QĐ-TTg về kế hoạch thực hiện PDP8 ngày 01/4/2024 với hạn mức cho từng tỉnh).  Điều đó có thể có nghĩa là các bên phát điện năng lượng tái tạo theo DPPA cần xây dựng các dự án nhà máy điện mặt trời với quy mô mới đã được phê duyệt theo các quy hoạch phát triển điện lực quốc gia trước đây.  Điều này có thể dẫn đến bế tắc đối với các bên phát điện năng lượng tái tạo trong việc xây dựng các nhà máy điện mặt trời mới với quy mô lớn chưa nằm trong các quy hoạch phát triển điện lực (phương án khác là sáp nhập và mua lại các dự án đã được phê duyệt trong các quy hoạch phát triển điện lực quốc gia trước đây, tuy nhiên, lực chọn này phức tạp với nhiều yêu cầu thẩm định).  Nếu đúng như vậy, điều này có thể cản trở các lựa chọn đầu tư của các bên phát điện năng lượng tái tạo theo DPPA. | Nên tổ chức đối thoại giữa Chính phủ và các bên liên quan để thảo luận xem liệu PDP8 có được sửa đổi để bao gồm phê duyệt quy hoạch cho các nhà máy điện mặt trời mới với quy mô lớn theo DPPA và các tiêu chí phù hợp/thủ tục công bằng và hiệu quả để phê duyệt các dự án đó. | Xem xét trong quá trình xây dựng Nghị định. |
| **Điều 9. Nguyên tắc của hình thức mua bán điện trực tiếp qua lưới điện quốc gia** | | Khoản 1a và 1b  Đơn vị phát điện  a) Sở hữu nhà máy điện có công suất thiết kế từ 10 MW trở lên trực tiếp tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh;  b) Trong giai đoạn đầu, cho phép Đơn vị phát điện sở hữu nhà máy điện gió hoặc mặt trời đấu nối vào hệ thống điện quốc gia tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp; | Xuyên suốt dự thảo có nhiều điều khoản khác nhau đưa ra hướng dẫn phê duyệt đơn vị phát điện đấu nối hệ thống điện quốc gia, VD như ở Điều 9 này (10MW, điện gió hoặc mặt trời, đáp ứng các quy định liên quan,…) nhưng không nói rõ quy hoạch nào sẽ điều chỉnh việc phê duyệt này (Quy hoạch Điện 8 hay Quy hoạch nào), và cũng chưa đưa ra quy trình phê duyệt cụ thể hoàn chỉnh. | Chúng tôi đề nghị làm rõ hơn quy trình phê duyệt cụ thể dự án DPPA. | Các dự án nguồn điện NLTT có công suất từ 10 MW trở lên đã được xây dựng theo quy hoạch (quy hoạc VIII hoặc quy hoạch điện lực tỉnh) mới là đối tượng tham gia cơ chế này |
| **Điều 10. Giá thị trường điện giao ngay** | | Khoản 3. Trường hợp giá thị trường điện giao ngay cao hơn giá trần của khung giá phát điện của các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo do cơ quan có thẩm quyền ban hành, khoản thanh toán trên thị trường điện giao ngay trong từng chu kỳ giao dịch được tính toán theo sản lượng điện đo đếm của đơn vị phát điện nhân với giá trần của khung giá phát điện của các nhà máy điện sử dụng năng lượng tái tạo do cơ quan có thẩm quyền ban hành. | Việc giới hạn giá DPPA theo Giá Trần là bất lợi đối với khách hàng sử dụng điện vì nó sẽ loại trừ lợi thế cho khách hàng nếu giá thị trường điện giao ngay tăng. Điều này sẽ triệt tiêu khả năng phòng vệ giá giao ngay (hedging spot price) trong DPPA đối với khách hàng sử dụng điện. | Chúng tôi đề xuất bỏ Giá Trần khỏi quy định DPPA. | Đề nghị giữ nguyên. Việc quy định như vậy để giảm thiểu rủi ro cho bên mua điện khi giá thị trường điện lên quá cao. |